

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MUỜNG T
TỈNH LAI CHÂU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 89/2021/HSST

Ngày 23/09 /2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MUỜNG T - TỈNH LAI CHÂU**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Lò Thị Chiến

Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Công Đại, bà Lý Thị The

Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Thị Tuyết - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mường T, tỉnh Lai Châu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường T tham gia phiên tòa: Ông Bùi Ngọc Chín - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 59/2021/TLST-HS, ngày 14/5/2021, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2021/QĐXXST-HS ngày 14/6/2020 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Lò Văn X; **Tên gọi khác:** Không; **Giới tính:** Nam;

Sinh năm 1985, tại: xã Mường T, huyện Mường T, tỉnh Lai Châu;

Nơi cư trú: Bản Mường T, xã Mường T, huyện Mường T, tỉnh Lai Châu; **Quốc tịch:** Việt Nam; **Dân tộc:** Thái; **Tôn giáo:** Không; **Nghề nghiệp:** Trồng trọt; **Trình độ học vấn:** 2/12; Con ông Lò Văn Th, đã chết tháng 07/2021 và con bà Đào Thị H, sinh năm 1964; **Anh, chị, em ruột:** Bị cáo có 04 anh, chị, em, bị cáo là con thứ ba trong gia đình; **Bị cáo có vợ:** Lò Thị N, sinh năm 1986, trú tại: bản Mường T, xã Mường T, huyện Mường T, tỉnh Lai Châu; **Con:** Bị can có 04 con, con lớn nhất sinh năm 2004, con nhỏ nhất sinh năm 2014;

Tiền sự, tiền án: Không; **Nhân thân:** Ngày 05/3/2012, Lò Văn X bị Tòa án nhân dân huyện Mường T, tỉnh Lai Châu xét xử về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 BLHS năm 1999 (Sửa đổi, bổ sung năm 2009), xử phạt 9 tháng tù. Ngày 15/11/2012, bị cáo đã chấp hành xong án phạt tù. Tính đến thời điểm phạm tội mới, bị cáo đã được xóa án tích.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 14/12/2020 đến nay tại xã Mường T, huyện Mường T, tỉnh Lai Châu. Có mặt.

2. Họ và tên: Lò Văn K; **Tên gọi khác:** Không; **Giới tính:** Nam;

Sinh năm 1975, tại: xã Mường T, huyện Mường T, tỉnh Lai Châu;

Nơi cư trú: bản Mường T, xã Mường T, Mường T, Lai Châu; **Quốc tịch:** Việt Nam; **Dân tộc:** Thái; **Tôn giáo:** Không; **Nghề nghiệp:** Trồng trọt; **Trình độ học vấn:** 3/12; **Con ông:** Lò Văn S (Đã chết) và con bà Lò Thị I (Đã chết); **Bị cáo có 06 anh, chị, em, bị cáo là con thứ tư trong gia đình;** **Bị cáo có vợ:** Mào Thị M, sinh năm 1976, trú tại: bản Mường T, xã Mường T, huyện Mường T, tỉnh Lai Châu; **Bị cáo có 03 con, con lớn nhất sinh năm 1995, con nhỏ nhất sinh năm 2000;**

Tiền sự, tiền án: Không; **Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 14/12/2020 đến nay tại xã Mường T, huyện Mường T, tỉnh Lai Châu. Có mặt.**

3. Họ và tên: Lò Văn Tr; **Tên gọi khác:** Không; **Giới tính:** Nam;

Sinh năm 1974, tại: xã Mường T, huyện Mường T, tỉnh Lai Châu;

Nơi cư trú: Bản Mường T, xã Mường T, huyện Mường T, tỉnh Lai Châu; **Quốc tịch:** Việt Nam; **Dân tộc:** Thái; **Tôn giáo:** Không; **Nghề nghiệp:** Bảo vệ; **Trình độ học vấn:** 6/12; **Con ông** Lò Văn Ph (Đã chết) và con bà Phìn Thị Kh (Đã chết); **Bị cáo có 05 anh, chị, em, bị can là con út trong gia đình;** **Bị cáo có vợ:** Dao Thị Th, sinh năm 1969, trú tại: bản Mường T, xã Mường T, huyện Mường T, tỉnh Lai Châu; **Bị cáo có 03 con, con lớn nhất sinh năm 1991, con nhỏ nhất sinh năm 2003;**

Tiền sự, tiền án: Không; **Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 14/12/2020 đến nay tại xã Mường T, huyện Mường T, tỉnh Lai Châu. Có mặt.**

4. Họ và tên: Điêu Văn H; **Tên gọi khác:** Không; **Giới tính:** Nam;

Sinh năm 1977, tại: xã Mường T, huyện Mường T, tỉnh Lai Châu;

Nơi cư trú: Bản Mường T, xã Mường T, huyện Mường T, tỉnh Lai Châu; **Quốc tịch:** Việt Nam; **Dân tộc:** Thái; **Tôn giáo:** Không; **Nghề nghiệp:** Trồng trọt; **Trình độ học vấn:** 2/12; **Con ông** Điêu Văn P (Đã chết) và con bà Dao Thị M, sinh năm 1936; **Bị cáo có 06 anh, em, bị cáo là con thứ tư trong gia đình;** **bị cáo có vợ:** Vui Thị Ch, sinh năm 1976, trú tại: bản Mường T, xã Mường T, huyện Mường T, tỉnh Lai Châu; **Bị cáo có 03 con, con lớn nhất sinh năm 1996, con nhỏ nhất sinh năm 2003;**

Tiền sự, tiền án: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 14/12/2020 đến nay tại xã Mường T, huyện Mường T, tỉnh Lai Châu. Có mặt.

5. Họ và tên: Lò Văn Th; **Tên gọi khác:** Không; **Giới tính:** Nam;

Sinh năm 1978, tại: xã Mường T, huyện Mường T, tỉnh Lai Châu;

Nơi cư trú: Bản Mường T, xã Mường T, huyện Mường T, tỉnh Lai Châu;

Quốc tịch: Việt Nam; **Dân tộc:** Thái; **Tôn giáo:** Không; **Nghề nghiệp:** Trồng trọt; **Trình độ học vấn:** 3/12; Con ông Lò Văn H (Đã chết) và bà Lò Thị P, sinh năm 1943; Bị cáo có 04 anh, chị, em, bị can là con thứ ba trong gia đình; Bị cáo có vợ: Lò Thị Ng, sinh năm 1981, trú tại: Bản Mường T, xã Mường T, huyện Mường T, tỉnh Lai Châu; Bị cáo có 04 con, con lớn nhất sinh năm 1998, con nhỏ nhất sinh năm 2017;

Tiền sự, tiền án: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 14/12/2020 đến nay tại xã Mường T, huyện Mường T, tỉnh Lai Châu. Có mặt.

6. Họ và tên: Lò Văn Đ; **Tên gọi khác:** Không; **Giới tính:** Nam;

Sinh năm 1978, tại: xã Mường T, huyện Mường T, tỉnh Lai Châu;

Nơi cư trú: Bản Mường T, xã Mường T, huyện Mường T, tỉnh Lai Châu; **Quốc tịch:** Việt Nam; **Dân tộc:** Thái; **Tôn giáo:** Không; **Nghề nghiệp:** Trồng trọt; Bị cáo là Đảng viên - Hiện nay đã bị đình chỉ sinh hoạt. **Trình độ học vấn:** 9/12; Con ông Lò Văn L (Đã chết) và con bà Lò Thị V, sinh năm 1955; Bị cáo có 05 anh, chị, em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình; Bị cáo có vợ: Lò Thị T, sinh năm 1988, trú tại: Bản Mường T, xã Mường T, huyện Mường T, tỉnh Lai Châu; Bị cáo có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2007, con nhỏ nhất sinh năm 2012;

Tiền sự, tiền án: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 14/12/2020 đến nay tại xã Mường T, huyện Mường T, tỉnh Lai Châu. Có mặt.

*** Những người bị hại:**

- Ông Vàng Giống G. **Tên gọi khác** (Vàng A T, Vàng Dóng G), **Sinh năm** 1961. **Địa chỉ:** Bản Tà T, xã Tà T, huyện Mường T, tỉnh Lai Châu. **Nghề nghiệp:** Trồng trọt. **Có mặt.**

- Ông Vàng A L, **sinh năm** 1968. **Địa chỉ:** Bản Tà T, xã Tà T, huyện Mường T, tỉnh Lai Châu. **Nghề nghiệp:** Trồng trọt. **Có mặt.**

- Ông Vàng A N, sinh năm 1975. Địa chỉ: Bản Tà T, xã Tà T, huyện Mường T, tỉnh Lai Châu. Nghề nghiệp: Trồng trọt. Có mặt.

- Ông Vàng A H, sinh năm 1995. Địa chỉ: Bản Tà T, xã Tà T, huyện Mường T, tỉnh Lai Châu. Nghề nghiệp: Trồng trọt. Có mặt.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

- Ông Lý Văn Th, sinh năm 1979. Địa chỉ: Khu phố 9 thị trấn Mường T, huyện Mường T, tỉnh Lai Châu. Nghề nghiệp: Trồng trọt. Vắng mặt.

- Ông Lò Văn Kh, sinh năm 1955. Địa chỉ: Bản Mường T, xã Mường T, huyện Mường T, tỉnh Lai Châu. Nghề nghiệp: Trồng trọt. Vắng Mặt.

*** Những người làm chứng:**

- Ông Vàng Gà D, sinh năm 1963. Địa chỉ: Bản Tà T, xã Tà T, huyện Mường T, tỉnh Lai Châu. Nghề nghiệp: Trồng trọt. Có mặt

- Ông Thào A C, sinh năm 1995. Địa chỉ: Bản Cô Lô H, xã Tà T, huyện Mường T, tỉnh Lai Châu. Nghề nghiệp: Trồng trọt. Có mặt

- Ông Lý Văn Ch, sinh năm 1972. Nghề nghiệp: Trồng trọt. Có mặt.

- Ông Dao Văn H, sinh năm 1987. Nghề nghiệp: Trồng trọt. Có mặt.

- Ông Hỏ Văn X, sinh năm 1976. Nghề nghiệp: Trồng trọt. Có mặt.

- Ông Lò Văn L, sinh năm 1987. Nghề nghiệp: Trồng trọt. Có mặt.

- Ông Dao Văn Hi, sinh năm 1967. Nghề nghiệp: Trồng trọt. Có mặt.

- Ông Lò Văn Th, sinh năm 1971. Nghề nghiệp: Trồng trọt. Có mặt.

- Ông Lò Văn N, sinh năm 1983. Nghề nghiệp: Trồng trọt. Có mặt.

- Ông Lò Văn T, sinh năm 1997. Nghề nghiệp: Trồng trọt. Có mặt.

Cùng địa chỉ tại: Bản Mường T, xã Mường T, huyện Mường T, tỉnh Lai Châu.

- Ông vàng Văn Đ, sinh năm 1988. Địa chỉ: Bản Nậm H, xã Mường T, huyện Mường T, tỉnh Lai Châu. Nghề nghiệp: Trồng trọt. Có mặt.

- Ông Lò Văn D, sinh năm 1988. Nghề nghiệp: Trồng trọt. Vắng mặt.

- Ông Dao Văn T, sinh năm 1995. Nghề nghiệp: Trồng trọt. Có mặt.

- Ông Lý Văn Th, sinh năm 1975. Nghề nghiệp: Trồng trọt. Có mặt.

- Bà Mào Thị D, sinh năm 1976. Nghề nghiệp: Trồng trọt. Có mặt.

- Bà Lò Thị Ng, sinh năm 1981. Nghề nghiệp: Trồng trọt. Có mặt.

- Bà Lò Thị N, sinh năm 1986. Nghề nghiệp: Trồng trọt. Vắng mặt.
- Bà Lý Thị Ch, sinh năm 1978. Nghề nghiệp: Trồng trọt. Có mặt.
- Bà Vui Thị Ch, sinh năm 1976. Nghề nghiệp: Trồng trọt. Có mặt.
- Bà Lò Thị T, sinh năm 1989. Nghề nghiệp: Trồng trọt. Có mặt.
- Đào Thị Th, sinh năm 1969. Nghề nghiệp: Trồng trọt. Có mặt.

Cùng địa chỉ: Bản Mùòng T, xã Mùòng T, huyện Mùòng T, tỉnh Lai Châu

- Anh Đào Văn Th, sinh năm 1994. Nghề nghiệp: Trồng trọt. Vắng mặt.
- Anh Kà Văn T, sinh năm 1994. Nghề nghiệp: Trồng trọt. Vắng mặt.
- Anh Lý Văn T, sinh năm 1982. Nghề nghiệp: Trồng trọt. Vắng mặt.
- Anh Kà Văn L, sinh năm 1997. Nghề nghiệp: Trồng trọt. Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Bản Vàng S, xã Vàng S, huyện Mùòng T, tỉnh Lai Châu.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian cuối tháng 8/2020, tại bãi chăn thả trâu do 06 hộ gia đình đều trú tại bản Tà T, xã Tà T, huyện Mùòng T, tỉnh Lai Châu (gồm các hộ: Vàng Giống G, Vàng A L, Vàng A N, Vàng A H, Vàng Gà D và Thào A C) tự quản lý, thuộc khu vực Nậm Kh Á là khu vực giáp ranh giữa 03 xã thuộc huyện Mùòng T, gồm: xã Mùòng T, xã Tà T và xã Mù C), 05 người gồm: Vàng Giống G, Vàng A L, Vàng A N, Vàng A H, Vàng Gà D phát hiện trâu của gia đình mình bị mất tổng số 11 con (riêng ông Thào A C không bị mất con trâu nào). Trước đó các hộ dân này đã tự rào hàng rào bằng thép gai để ngăn cách khu vực chăn thả này với các khu vực chăn thả khác để tránh nhậm lẫn trâu. Đến ngày 26/8/2020, Vàng Dống G, Vàng A L, Vàng A N, Vàng A H và Vàng Gà D đồng loạt gửi đơn tố giác đến Cơ quan điều tra để điều tra làm rõ. Quá trình điều tra đã xác định được như sau: Chiều ngày 13/8/2020, Lò Văn X, sinh năm 1985, trú tại bản Mùòng T, xã Mùòng T đi làm thuê phát đường ở khu vực Nậm Kh Á về, khi đến bãi chăn thả trâu của 06 hộ gia đình trú tại xã Tà T nêu trên thì nhìn thấy có 01 đàn trâu đang ở đó. Khi quan sát đàn trâu, X thấy 01 con trâu cái, lông màu đen, có vết chém ở mông bên phải giống con trâu của ông Lò Văn Kh (là bố vợ của X) bị mất vào khoảng năm 2012 nên X đã lấy điện thoại của X chụp ảnh con trâu đó, nhằm mục

đích đem ảnh về nhà cho ông Kh xem có đúng con trâu của ông Kh bị mất hay không. Khi về đến nhà, X đã kể lại cho ông Kh nghe về việc nhìn thấy con trâu cái có vết chém ở mông giống con trâu của ông Kh bị mất, đồng thời cho ông Kh xem ảnh con trâu qua điện thoại. Khi xem ảnh, ông Kh khẳng định con trâu trong ảnh chính là con trâu của ông Kh bị mất từ khoảng năm 2012 nên đã nói với X “*thế thì đi bắt về đi*”, X đồng ý rồi đi về nhà rủ một số anh em họ hàng đi tìm trâu cho ông Kh. Đồng thời, X cũng nói với người dân trong bản “ở khu vực Nậm Kh Á, X nhìn thấy có nhiều trâu và ai có trâu thì đi tìm xem”.

Đến sáng ngày 18/8/2020, có 08 người đều trú tại bản Mường T, xã Mường T cùng nhau đi lên khu vực Nậm Kh Á tìm trâu, gồm: Lò Văn X, Hỏ Văn X, Lò Văn N đi tìm con trâu có vết sẹo ở mông nêu trên cho ông Lò Văn Kh; Lò Văn T, Vàng Văn Đ đi tìm con trâu “mất đỏ” của T bị mất từ năm 2014; Lò Văn D đi tìm 02 con trâu của gia đình D bị mất năm 2017; Đào Văn H đi tìm 02 con trâu của gia đình H bị mất năm 2017; riêng Lò Văn T, sinh năm 1974, trú tại bản Mường T, xã Mường T, mặc dù không có con trâu nào bị mất nhưng thấy nhiều người trong bản đi tìm trâu nên cũng đi cùng, nhằm mục đích khi lên đến Nậm Kh Á nếu thấy con trâu nào không có chủ trông coi thì Tr sẽ bắt trộm lấy 01 con đem về nuôi. Khi đến bãi chăn thả trâu của 06 hộ gia đình trú tại xã Tà T nêu trên, cả nhóm người này nhìn thấy có khoảng 20 con trâu, lúc này X lấy muối mang từ nhà theo vãi xuống đất để dụ trâu đến ăn. Khi trâu đến ăn muối, X cùng anh em đi cùng đã bắt 01 con trâu cái có vết sẹo ở mông; còn Lò Văn Tr bắt được 01 con trâu cái khoảng 07 tuổi của Vàng A H, sinh năm 1995, trú tại: bản Tà T, xã Tà T, huyện Mường T. Do sợ bị người khác phát hiện nên Lò Văn Tr đã nói với mọi người đi cùng đó là con trâu của Tr, rồi Tr đã dắt trâu về nhà để nuôi làm tài sản riêng, những người còn lại không ai tìm được trâu và cũng không ai bắt thêm được con trâu nào khác. Khi Tr và X dắt trâu về thì có 02 con trâu nhỏ chạy theo trâu do X dắt (trong đó, 01 con trâu cái khoảng 04 tuổi và 01 con trâu đực khoảng 7 - 8 tháng tuổi; cả 02 con trâu này đều thuộc sở hữu của anh Vàng A H, sinh năm 1995, trú tại bản Tà T, xã Tà T, huyện Mường T), X nghĩ 02 con trâu chạy theo là do trâu mẹ X bắt được đẻ ra nên để mặc cho 02 con trâu con nói trên theo trâu mẹ về nhà ông Kh, còn Lò Văn Tr dắt con trâu bắt được về nhà của Tr. Về đến nhà ông Kh, sau khi xem con trâu mẹ do X bắt về có 01 vết sẹo ở mông bên phải giống với con trâu của gia đình ông Kh bị mất năm 2012 nên ông Kh đã nhận đó là trâu của gia đình mình, còn 02 con trâu nhỏ chạy theo thì ông Kh cũng nghĩ là con của trâu mẹ đẻ ra nên ông Kh đã nhận

cả 03 con trâu X bắt về là trâu của gia đình ông Kh. Sau đó, ông Kh đã bán 03 con trâu này cho anh Lý Văn Th, sinh năm: 1979, trú tại: Khu phố 9, TT. Mường T, huyện Mường T với tổng số tiền là 67.500.000 đồng. Đến sáng ngày 22/8/2020, có 04 người đều trú tại bản Mường T tiếp tục lên bãi chăn thả trâu của 06 hộ gia đình trú tại xã Tà T nêu trên để tìm trâu, gồm: Lò Văn T tiếp tục đi tìm con trâu “mất đở” của Tu bị mất từ năm 2014 như đã nói trên; Lò Văn Th, sinh năm 1978, đi tìm 03 con trâu của Th đi vào rừng mất từ năm 2016 (trong đó, 01 con trâu mẹ lông màu đen, không rõ tuổi, được đánh dấu bằng cách cắt cụt đỉnh nhọn tai trái của con trâu; 02 trâu con đều là trâu cái do trâu mẹ này đẻ ra, trước khi mất Th không đánh dấu nên Th không nhớ đặc điểm gì của 02 con trâu này); Lò Văn Lư đi tìm 02 con trâu của gia đình Lư bị mất từ năm 2017; Lý Văn Ch đi tìm 01 con trâu cái đẻ năm 2014, lông màu đen, được đánh dấu bằng cách cắt ngang giữa thân tai trâu bên phải (con trâu này bắt đầu đi vào rừng từ năm 2017, đến khoảng giữa năm 2018 thì Ch thấy trâu về nhưng không bắt được). Đến buổi chiều cùng ngày, khi đến bãi chăn thả trâu của 06 hộ gia đình trú tại xã Tà T nêu trên, Th quan sát không thấy 03 con trâu bị mất của Th nói trên. Tuy nhiên, do trước đó Th biết ông Kh và Tr bắt được trâu ở khu vực này nhưng không rõ đó có phải là trâu của họ hay không, đồng thời thấy không có ai trông coi đàn trâu này nên Th đã nổi lòng tham và trộm cắp được 01 trâu cái khoảng 9 - 10 tuổi, màu lông đen, có 01 vết sẹo ở mũi bên phải, trâu không cắt tai của ông Vàng Dồng G, sinh năm 1960, trú tại bản Tà T, xã Tà T, huyện Mường T. Do sợ bị phát hiện, Th đã nói với những người đi cùng là trâu của Th nên không ai thắc mắc gì. Trong cùng thời điểm này, Lý Văn Ch quan sát thấy 01 con trâu cái khoảng 06 - 07 tuổi, lông màu đen, có vết sẹo ở phía dưới tai phải giống với con trâu của Ch bị mất, nghĩ đây chính là con trâu bị mất của mình nên Ch đã bắt lấy con trâu này (Tuy nhiên, quá trình điều tra xác định con trâu này thuộc sở hữu của ông Vàng A N, sinh năm 1975, trú tại bản Tà T, xã Tà T, huyện Mường T). Những người đi cùng còn lại không ai bắt thêm được con trâu nào nữa, rồi cả nhóm người này đi về. Khi về đến bản Mường T cũ, do sợ bị phát hiện nên Th đã vội vàng bán 01 con trâu trộm cắp được nêu trên cho Đào Văn Th, sinh năm 1994 và Kà Văn T, sinh năm 1997, đều trú tại: bản Vàng S, xã Vàng S, huyện Mường T với giá 26.000.000 đồng; còn Ch nghĩ rằng trâu đi vào rừng đã lâu sẽ khó chăn dắt nên Ch cũng bán con trâu bắt được nêu trên cho Th và T với giá 23.000.000 đồng.

Trong buổi chiều cùng ngày, nghe tin Th và Ch đang bán trâu, Lò Văn Đ, sinh năm 1978, trú tại: Bản Mường T, xã Mường T tò mò nên đã đến bản Mường T cũ để xem trâu (do trước đó Đ cũng bị mất 03 con trâu chưa tìm thấy, trong đó: 01 con trâu cái lông màu đen, khoảng 4 - 5 tuổi, không có con, Đ có cắt 01 bên tai nhưng không nhớ bên nào; 01 con trâu cái khoảng 7- 8 tuổi, lông màu đen, có vết sẹo ở mũi, sừng cân đối và 01 con trâu đực khoảng 02 tuổi). Khi đến nơi, do anh Th và T vẫn chưa kịp chở trâu đi, nên Đ quan sát được 02 con trâu thì thấy con trâu của Th bán cho anh Thà có *“01 vết sẹo ở mũi bên phải”* giống với một trong ba con trâu của Đ bị mất, nghĩ đây chính là con trâu bị mất của mình nên Đ đã nhận con trâu đó là trâu của mình. Thấy có người tranh chấp trâu nên anh Thà và T không mua 02 con trâu này nữa, rồi đòi lại tiền và trả lại trâu cho Th và Ch

Khi thấy Đ nhận trâu do mình bắt được, Th biết đó không phải là trâu của mình nên đã để Đ dắt trâu về nhà Đ, còn Ch cũng dắt trâu về nhà Ch. Đến sáng ngày hôm sau, tức ngày 23/8/2020, Lò Văn X nghe người dân trong bản nói Lý Văn Ch bắt được 01 con trâu từ bãi chăn thả của người Mông ở khu vực Nậm Kh Á nhưng không phải là trâu của Lý Văn Ch, nghe thấy vậy X đã sang nhà Lý Văn Ch xem trâu. Khi đến nhà Ch, X thấy con trâu đó có bầu vú sưng to nên nghĩ là trâu đang nuôi con nhỏ, trong khi trước đó khoảng 02 tháng (vào khoảng thời gian tháng 6/2020), X đã nhìn thấy con trâu của Ch ở bãi ruộng, trâu của Ch lúc đó chưa có dấu hiệu chữa đẻ nên X đã nói ra đặc điểm này với Ch và khẳng định con trâu Ch bắt được không phải là trâu của Ch. Mặc dù X biết đây không phải là con trâu đã mất trước đây của mình nhưng X đã nói dối Ch là: *“không phải trâu của chú thì là trâu của cháu, chú cho cháu dắt về”* nhằm mục đích chiếm đoạt con trâu này. Khi nghe X nói vậy, Ch mới nhận ra đây không phải là trâu của mình, tưởng X nói thật và nghĩ đó là trâu của X nên Ch đã đồng ý cho X dắt trâu về. Sau khi chiếm đoạt được con trâu mẹ từ Ch, trong buổi sáng cùng ngày, X nghĩ trâu con đang ở khu vực Nậm Kh Á nên đã dắt trâu mẹ quay lại Nậm Kh Á để tìm bắt trộm trâu con.

Cùng trong buổi sáng ngày 23/8/2020, Lò Văn Đ xem lại con trâu vừa nhận từ Th tối hôm trước thì thấy con trâu này chỉ có đặc điểm vết sẹo ở mũi phải là giống với một trong 03 con trâu của Đ bị mất, còn lại có nhiều điểm khác biệt như: Cặp sừng trâu này bị lệch một bên, trong khi cặp sừng trâu của Đ cân đối; dáng đi khác nhau; trâu của Đ thường dùng tiếng gọi *“cơ, cơ”* để cho trâu ăn muối thì trâu hiểu và nghe theo, còn con trâu này không hiểu. Khi đó, Đ mới nhận ra con trâu do

Đ nhận được từ Th là do Đ nhầm lẫn. Tuy nhiên, do Đ không biết chủ của con trâu này là ai, chỉ biết Th bắt con trâu này ở Nậm Kh Á nên Đ đã giữ lại để chăn nuôi. Tiếp đó, Đ quan sát thấy bầu vú trâu sưng to nên cho rằng trâu đang nuôi con nhỏ; đồng thời, Đ nghĩ con trâu con hiện vẫn đang ở khu vực Nậm Kh Á nên Đ đã nảy sinh ý định dắt trâu mẹ quay lại Nậm Kh Á để tìm bắt trộm trâu con. Sau đó, trên đường đi lên khu vực Nậm Kh Á, mặc dù không hẹn trước nhưng Đ và X gặp nhau rồi cùng nhau đi. Đến khoảng hơn 12 giờ cùng ngày, khi đến bãi chăn thả trâu của 06 hộ gia đình trú tại xã Tà T nêu trên, có 01 con trâu chạy theo trâu mẹ của X (đặc điểm: là trâu đực khoảng 06 tháng tuổi, lông màu đen, cắt tai bên phải hình chữ V - thuộc sở hữu của ông Vàng A N, sinh năm 1975, trú tại bản Tà T, xã Tà T, huyện Mường T); 01 con trâu chạy theo trâu mẹ của Đ (đặc điểm: là trâu đực khoảng 8 tháng tuổi, lông màu đen, không sỏ mũi, không cắt tai – thuộc sở hữu của ông Vàng Dồng G, sinh năm 1960, trú tại bản Tà T, xã Tà T, huyện Mường T), Đ và X dắt trâu mẹ đi, trâu con cứ thế chạy theo trâu mẹ đi về. Sau khi có được 02 con trâu nêu trên, đến ngày 26/8/2020, khi Công an xã Mường T đến yêu cầu tạm giữ 02 con trâu này, Đ đã đồng ý và giao nộp theo yêu cầu.

Cũng trong buổi sáng ngày 23/8/2020, có 06 người đều trú tại bản Mường T tiếp tục lên khu vực Nậm Kh Á để tìm trâu gồm: Lò Văn T tiếp tục đi tìm con trâu “mất đồ” của T bị mất từ năm 2014 như đã nói trên; Lò Văn Th đi tìm 03 con trâu của Th đi vào rừng mất từ năm 2016 nói trên; Lò Văn L đi tìm 02 con trâu của gia đình L bị mất từ năm 2017; Lò Văn D đi tìm 02 con trâu của gia đình D bị mất từ năm 2017; Đào Văn T đi tìm 02 con trâu của gia đình Tà bị mất từ năm 2014; Lý Văn Th đi tìm con trâu của Thê bị mất năm 2014. Khi đến khu vực Nậm Kh Á, nhóm người này đã tìm kiếm nhưng không thấy con trâu nào nên cả nhóm đã cùng nhau dựng lán tạm rồi ngủ qua đêm tại bãi chăn thả trâu của 06 hộ gia đình trú tại xã Tà T nêu trên. Do không tìm được trâu nên sáng hôm sau (tức ngày 24/8/2020) Thê đi về nhà trước; do hết đồ ăn nên Tu đã gọi điện cho Lò Văn Thư là chú ruột của Tu mang đồ ăn lên giúp Tu. Trên đường đi, Thư gặp Điêu Văn H, sinh năm 1977 và Đào Văn H (đều trú tại bản Mường T, xã Mường T) cũng đang đi tìm trâu nên đã cùng nhau đi lên bãi chăn thả trâu của 06 hộ gia đình trú tại xã Tà T nêu trên, trong đó: Điêu Văn H tìm 01 con trâu của gia đình H bị mất năm 2017 (khi mất, trâu có đặc điểm: là trâu cái, lông màu đen, sừng cân đối, không đánh dấu, khoảng 07 tuổi); Đào Văn H tìm 01 con trâu “mất đồ” giúp cho Lò Văn Tu.

Trong lúc Thư, H, Hà đang trên đường đi thì Tu, Th, Lư, D, Tà phát hiện khoảng 10 con trâu tại bãi chăn thả trâu của 06 hộ gia đình trú tại xã Tà T nêu trên, Tu nhận ra trong đàn trâu có 01 con trâu cái “*mắt đỏ*” là trâu của Tu nên Tu đã bắt con trâu đó nhưng không bắt được do ở đó có 01 con trâu cái đầu đàn bỏ chạy nên cả đàn trâu chạy theo. Do đó, Tha đã bắt con trâu cái đầu đàn đó buộc lại nhằm mục đích để đàn trâu không chạy vào rừng để Tu bắt được trâu của Tu. Khi Tu bắt được trâu của Tu và buộc lại thì có 01 con trâu cái khoảng 04 tuổi chạy theo trâu của Tuấn và 01 con trâu cái khoảng 08 tháng tuổi chạy theo trâu đầu đàn. Đúng lúc này thì Thư, H, Hà đi đến, H thấy con trâu đầu đàn đang buộc ở gốc cây có đặc điểm nổi bật là sừng bên trái bị teo ngắn, khác hẳn so với con trâu bị mất của H, mặc dù H biết con trâu đó không phải là con trâu bị mất trước đây của mình nhưng lúc đó H nổi lòng tham nên đã nảy sinh ý định trộm cắp trâu để làm tài sản riêng cho mình và H nói với những người đi cùng đó là trâu của H nhằm tránh bị phát hiện. Sau đó, H bắt trộm được 01 con trâu đầu đàn và 01 trâu con khoảng 08 tháng tuổi (*02 con trâu này đều thuộc sở hữu của ông Vàng A L, sinh năm 1968, trú tại: bản Tà T, xã Tà T, huyện Mường T*), rồi đem bán 02 con trâu này cho Đào Văn Thà, Kà Văn T, Lý Văn T, sinh năm 1992, Kà Văn L, sinh năm 1997, đều trú tại bản Vàng S, xã Vàng S với số tiền 31.000.000 đồng. Tuy nhiên, khi bị cán bộ công an đến hỏi về nguồn gốc trâu, do lo sợ bị xử lý nên Hiệ đã trả lại tiền cho người mua trâu và lấy lại trâu để giao nộp cho cơ quan công an.

Trên đường Tuấn dắt trâu về, 01 con trâu cái khoảng 4 tuổi nêu trên (*Con trâu này thuộc sở hữu của ông Vàng Dống G, sinh năm 1960, trú tại bản Tà T, xã Tà T, huyện Mường T*) tiếp tục chạy theo con trâu “*mắt đỏ*” của Tu vừa bắt được, Tu nghĩ là trâu con theo mẹ nên vẫn tiếp tục dắt trâu về nhà. Khi về đến bản Mường T, xã Mường T, Tha nghe nhiều người dân trong bản nói: “*Con trâu của Tu trước đây không biết đẻ*” nên Tha cho rằng con trâu khoảng 04 tuổi này không phải trâu của Tu. Lúc đó do đi tìm trâu bị mất không được và không thấy có ai nhận con trâu này nên Tha đã nổi lòng tham và tự dắt con trâu này về để chăn nuôi. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày 24/8/2020, Tha buộc trâu ở gần nhà Lò Văn K, sinh năm 1975, trú tại bản Mường T, xã Mường T thì K ra xem trâu. Lúc này Tha nói với K là con trâu do Tha dắt về là trâu của Tha. Sau khi quan sát trâu, K nhớ ra Tha không có con trâu nào tầm tuổi này, vì là người cùng bản, thường chăn trâu cùng nhau nên K biết con trâu Tha dắt về không phải là trâu của Tha và cũng không biết con trâu đó là của ai. K thấy con trâu bị cắt cả 02 bên tai hình chữ V, lông màu

đen, đã sỏ mũi; những đặc điểm này khác hẳn với trâu của K bị mất khi thả ở rừng từ năm 2017 (*khi mất, trâu có đặc điểm: lông màu vàng, K đánh dấu bằng cách cắt dọc vành tai bên phải, trâu chưa sỏ mũi*) nhưng do lòng tham nên K đã nói dối Tha là con trâu Tha dắt về là trâu của K. Tha nghĩ rằng K nói thật nên Lò Văn Tha đã trả lại con trâu đó cho Lò Văn K.

Từ đó đến ngày 26/8/2020, ngay sau khi nhận được đơn trình báo của Vàng Đồng G, Vàng A L, Vàng A N, Vàng A H và Vàng Gà D, cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh, tạm giữ tổng số 11 con trâu (*riêng con trâu của Lò Văn Tu đã bán và giết mổ nên không tạm giữ*), đồng thời xác định chính xác chủ sở hữu của 12 con trâu nêu trên và đã tiến hành trả lại tài sản theo quy định. Tại cơ quan điều tra, các bị cáo khai nhận về hành vi trộm cắp tài sản, lừa đảo chiếm đoạt tài sản của những người bị hại: Vàng Đồng G, Vàng A L, Vàng A N, Vàng A H và Vàng Gà D.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 13/KL-HĐĐGTS ngày 03/10/2020 của Hội đồng định giá tài sản huyện Mường T kết luận:

01 con trâu cái khoảng 7 tuổi, Lò Văn Tr bắt tại khu vực Nậm Kh Á ngày 18/8/2020, có trị giá: 31.000.000 đồng (*Ba mươi một triệu đồng*).

01 con trâu cái khoảng 6 - 7 tuổi, Lý Văn Ch bắt tại khu vực Nậm Kh Á ngày 22/8/2020, khi dắt về bản Mường T thì bị Lò Văn X chiếm đoạt ngày 23/8/2020, có trị giá: 26.000.000 đồng (*Hai mươi sáu triệu đồng*).

01 con trâu cái khoảng 9 - 10 tuổi, Lò Văn Tha bắt tại khu vực Nậm Kh Á ngày 22/8/2020, khi Tha dắt trâu về bản thì bị Lò Văn Đ chiếm giữ, có trị giá: 25.000.000 đồng (*Hai mươi năm triệu đồng*).

01 con trâu cái khoảng 6 - 7 tháng tuổi, Lò Văn Xuân bắt tại khu vực Nậm Kha Á ngày 23/8/2020, có trị giá: 8.000.000 đồng (*Tám triệu đồng*).

01 con trâu cái khoảng 7 - 8 tháng tuổi, Lò Văn Đ bắt tại khu vực Nậm Kh Á ngày 23/8/2020, có trị giá: 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*).

01 con trâu cái khoảng 9 - 10 tuổi, Điều Văn Hiệu bắt tại khu vực Nậm Kha Á ngày 24/8/2020, có trị giá: 31.000.000 đồng (*Ba mươi một triệu đồng*).

01 con trâu cái khoảng 7 - 8 tháng tuổi, Điều Văn Hiệ bắt tại khu vực Nậm Kh Á ngày 24/8/2020, có trị giá: 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*).

01 con trâu cái khoảng 04 tuổi, Lò Văn Tha bắt tại khu vực Nậm Kh Á ngày 24/8/2020, khi bắt trâu về bản thì bị Lò Văn K chiếm đoạt, có trị giá: 19.000.000đ (Mười chín triệu đồng).

Cáo trạng số 30/ CT- VKS-MT ngày 13/05/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường T truy tố các bị cáo: Lò Văn X về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự và tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” Theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự; Lò Văn K về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự; Lò Văn Tr, Điều Văn Hiệ, Lò Văn Tha và Lò Văn Đ cùng về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà Kiểm sát viên tham gia phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo và đề xuất với Hội đồng xét xử, xử các bị cáo: Lò Văn X về tội “*Trộm cắp tài sản*” và tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”; Lò Văn K về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”; Lò Văn Tr, Điều Văn Hiệ, Lò Văn Tha và Lò Văn Đ về tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng Điều 36; điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a, khoản 1, Điều 55; khoản 1 Điều 173; khoản 1, Điều 174 Bộ luật Hình sự: Các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội nên đề nghị HĐXX xử phạt bị cáo Lò Văn X từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng cải tạo không giam giữ về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm cải tạo không giam giữ về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Bị cáo X phạm 02 tội và bị xét xử trong cùng một lần. Vì vậy, đề nghị HĐXX quyết định hình phạt đối với từng tội và tổng hợp hình phạt theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 55 của BLHS.

Áp dụng Điều 36; điểm b, i, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, Điều 174 Bộ luật Hình sự: Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội nên đề nghị HĐXX xử phạt bị cáo Lò Văn K từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm cải tạo không giam giữ.

Áp dụng Điều 36; điểm b, i, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự: Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội nên đề nghị HĐXX xử phạt bị cáo Lò Văn Tr từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng cải tạo không giam giữ.

Áp dụng Điều 36; điểm i, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự: Các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội nên đề nghị HĐXX: Xử phạt bị cáo Lò Văn Đ từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm cải tạo không giam giữ. Xử phạt bị cáo Lò Văn Tha từ 02 năm

đến 02 năm 06 tháng cải tạo không giam giữ và xử phạt bị cáo Điều Văn Hiệ từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm cải tạo không giam giữ. Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo đều có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, đề nghị HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo. Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Quá trình Điều tra những người bị hại đã nhận được con trâu của mình bị mất trộm: 03 con trâu của ông Vàng Dồng G, 03 con trâu của Vàng A H, 02 con trâu của ông Vàng A N, 02 con trâu của ông Vàng A L. Tại phiên tòa những người bị hại không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm. Đề nghị HĐXX chấp nhận sự tự nguyện bị cáo Lò Văn Tr bồi thường cho người bị hại ông Vàng A H, ở bản Tà T, xã Tà T, huyện Mường T, tỉnh Lai Châu số tiền là 2.000.000 đồng. Bị cáo Lò Văn K bồi thường cho người bị ông Vàng Giống G ở bản Tà T, xã Tà T, huyện Mường T, tỉnh Lai Châu là 2.500.000 đồng.

Đối với hành vi của Lò Văn X, Lò Văn N, Hỏ Văn X đã cùng nhau bắt 02 con trâu của ông Vàng A H giúp cho ông Lò Văn Kh và hành vi vi ông Kh tự nhận 02 con trâu này là của mình. Quá trình điều xác định, X, N, X và Kh đều nhầm lẫn 02 con trâu con chạy theo là do con trâu của ông Kh đẻ ra, không ai biết 02 con trâu này là trâu của gia đình ông Vàng A H. Do đó không xem xét xử lý đối với những hành vi này.

Đối với hành vi của Lý Văn Ch bắt được 01 con trâu tại khu vực Nậm Kh Á: Quá trình điều tra xác định, do nhầm lẫn nên Ch đã bắt được con trâu này. Sau khi có được trâu, Lò Văn X đến nhận nên Ch đã trả lại trâu cho X. Như vậy, hành vi này của Ch không cấu thành tội phạm quy định trong Bộ luật hình sự. Do đó không xem xét xử lý đối với Ch về hành vi này.

Đối với hành vi của Lò Văn Đ nhận được 01 con trâu từ Lò Văn Tha: Quá trình điều tra xác định, do nhầm lẫn nên Đ đã lấy được con trâu này từ Tha. Sau khi nhận được trâu, khi Công an xã Mường T đến yêu cầu tạm giữ con trâu này, Đại đã đồng ý và giao nộp theo yêu cầu. Như vậy, hành vi này của Đ không cấu thành tội phạm quy định trong Bộ luật hình sự. Do đó không xem xét xử lý đối với Đ về hành vi này.

Đối với hành vi của Lò Văn Tha tự nhận và dắt con trâu khoảng 04 tuổi về nhà để nuôi: Quá trình điều tra xác định, khi Lò Văn T dắt 01 con trâu “mất đồ” từ Nậm Kh Á về thì có 01 con trâu khoảng 04 tuổi tự đi theo nên Tha nghĩ đó là con trâu con do trâu “mất đồ” của Tu đẻ ra. Tuy nhiên, khi về đến bản Mường T, do

không có ai nhận là chủ sở hữu của con trâu khoảng 04 tuổi nên Tha đã tự nhận là tài sản của mình. Ngay sau khi nhận được tài sản, Lò Văn K đã nói dối Tha và nhận đó là trâu của K nên Tha đã tin và đồng ý giao lại tài sản cho K. Như vậy, hành vi này của Tha không cấu thành tội phạm quy định trong Bộ luật hình sự. Do đó không xem xét xử lý đối với Tha về hành vi này.

Đối với những người cùng đi tìm trâu trong những lần xảy ra sự việc bắt trộm trâu nói trên gồm: Lò Văn T; Lò Văn L; Lò Văn D, Đào Văn T, Đào Văn H, Lò Văn N, Hồ Văn X, Đào Văn Hà, Vàng Văn Đ. Quá trình điều tra xác định những người này đều không biết việc các bị cáo X, Tr, Tha, H trộm cắp trâu. Do đó không xem xét xử lý đối với những người này.

Đối với Đào Văn Th, Kà Văn L, Lý Văn T và Kà Văn T là những người đã mua trâu của Lò Văn Tha, Điều Văn H trộm cắp ở bãi chăn thả trâu của 06 hộ gia đình trú tại xã Tà T: Quá trình điều tra xác định những người mua trâu này đều không biết những con trâu mua được là tài sản do phạm tội mà có. Do đó không xem xét xử lý đối với những người này.

Đối với việc 05 hộ dân báo mất tổng cộng 13 con trâu nhưng mới tìm lại được 10 con: Quá trình điều tra xác định, ông Vàng A L đã tìm thấy 01 con trâu của ông L tại bãi chăn thả trâu tại khu vực Nậm Kh Á; 02 con trâu còn lại của gia đình ông Vàng Gà D, Cơ quan điều tra đã tiến hành điều tra, xác minh, gia đình cũng đi tìm nhưng hiện nay vẫn chưa tìm thấy. Do đó, cơ quan điều tra sẽ tiếp tục xác minh, điều tra làm rõ.

Tại phiên tòa các bị cáo Lò Văn X, Lò Văn K, Lò Văn Tr, Điều Văn H, Lò Văn Tha và Lò Văn Đ khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, các bị cáo rất hối hận về hành vi vi phạm pháp luật. Các bị cáo nhất trí với bản Luận tội, các bị cáo đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo với mức hình phạt thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường T, Kiểm sát viên, trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của BLTTHS. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, không có ai ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[2] Về việc vắng mặt của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người làm chứng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Quá trình điều tra những người này đã có đầy đủ lời khai trong hồ sơ vụ án. Xét thấy việc vắng mặt họ không ảnh hưởng đến việc xét xử đối với bị cáo. Do đó HĐXX vẫn tiếp tục phiên tòa, đồng thời công bố lời khai tại phiên tòa theo quy định.

[3] Tại phiên tòa, Các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan Điều tra, phù hợp với lời khai của các bị hại, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, những người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Đủ cơ sở khẳng định: Các bị cáo vì mục đích tư lợi bất chính, trong khoảng thời gian từ ngày 18/8/2020 đến ngày 24/8/2020, Lò Văn X, Lò Văn Tr, Lò Văn Tha, Lò Văn Đ, Điều Văn H đã lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu trong việc chăn thả gia súc để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của những người bị hại: 03 con trâu của Vàng Giống G (Vàng Đồng G), 03 con trâu của Vàng A H, 02 con trâu của ông Vàng A N, 02 con trâu của ông Vàng A L tại bãi chăn thả trâu do 06 hộ gia đình trú tại xã Tà T, huyện Mường T quản lý, thuộc khu vực Nậm Kh Á: Ngày 18/8/2020 Lò Văn Tr đã trộm cắp 01 con trâu trị giá 31.000.000 đồng của Vàng A H, sinh năm 1995, trú tại bản Tà T, xã Tà T, huyện Mường T. Ngày 22/8/2020 Lò Văn Tha đã trộm cắp được 01 con trâu trị giá 25.000.000 đồng của Vàng Giống G tức (Vàng Đồng G), sinh năm 1961, trú tại bản Tà T, xã Tà T, huyện Mường T. Cùng ngày 22/8/2020 sau khi Tha trộm cắp được con trâu nêu trên, do nhầm lẫn nên Lò Văn Đ đã nhận được con trâu này từ Tha. Đến sáng ngày 23/8/2020 Lò Văn Đ nhận ra con trâu này không phải là con trâu bị mất trước đây của mình nhưng sau đó, Đ lại sử dụng con trâu này để dụ trâu con và trộm cắp được 01 con trâu trị giá 10.000.000 đồng của Vàng Giống G tức (Vàng Đồng G), sinh năm 1961, trú tại bản Tà T, xã Tà T, huyện Mường T. Đến ngày 26/8/2020, Công an xã Mường T yêu cầu Tha giao nộp 02 con trâu này thì Tha đã đồng ý. Do đó Lò Văn Đ chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự về tội trộm cắp tài sản với tổng giá trị là 10.000.000 đồng. Ngày 22/8/2020 do nhầm lẫn nên Lý Văn Ch đã bắt được 01 con trâu trị giá 26.000.000 đồng của Vàng A N, sinh năm 1975, trú tại bản Tà T, xã Tà T, huyện Mường T. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bị cáo Lò Văn X: Sáng ngày 23/8/2020 Lò Văn X đã lừa đảo ông Lý Văn Ch và chiếm đoạt được 01 con trâu này, đồng thời bị cáo X đã sử dụng con trâu vừa chiếm đoạt được để dụ trâu con và trộm cắp được 01 con trâu con trị giá 8.000.000 đồng của Vàng A N, sinh năm 1975, trú tại bản Tà T, xã Tà T, huyện Mường T. Do đó hành vi của bị cáo Lò Văn X phải chịu trách nhiệm hình sự về tội

lừa đảo chiếm tài sản với tổng trị giá 01 con trâu là 26.000.000 đồng và phải chịu trách nhiệm hình sự về tội trộm cắp tài sản với tổng trị giá 01 con trâu là 8.000.000 đồng. Ngày 24/8/2020 Điều Văn H đã trộm cắp được 02 con trâu có tổng trị giá 41.000.000 đồng của Vàng A L, sinh năm 1968, trú tại bản Tà T, xã Tà T, huyện Mường T.

Ngày 24/8/2020 ngay sau khi Lò Văn Tha bắt được 01 con trâu trị giá 19.000.000 đồng của Vàng Giồng G tức (Vàng Dồng G), sinh năm 1961, trú tại bản Tà T, xã Tà T, huyện Mường T thì bị cáo Lò Văn K đã lừa đảo Th để chiếm đoạt 01 con trâu này. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bị cáo K phải chịu trách nhiệm hình sự về tội lừa đảo chiếm tài sản với tổng trị giá là 19.000.000 đồng. Như vậy hành vi trộm cắp tài sản của các bị cáo X, Tr, H, Tha và Đ đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của những người bị hại ông Vàng Giồng G, Vàng A H, Vàng A N và Vàng A L do đó các bị cáo Lò Văn X, Lò Văn Tr, Điều Văn H, Lò Văn Đ và Lò Văn Tha đã phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”. Quy định tại khoản 1 điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015.

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 3 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”

Đối với hành vi của các bị cáo Lò Văn K và Lò Văn X đã phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Được quy định tại khoản 1 Điều 174 BLHS.

“1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm: ...”

[3] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác, gây mất trật tự an toàn xã hội tại địa phương, nhằm mục đích tư lợi cá nhân các bị cáo Lò Văn X, Lò Văn Tr, Điều Văn H, Lò Văn Đ và Lò Văn Th đã trộm cắp tài sản của người bị hại ông Vàng Giồng G là 03 con trâu, ông Vàng A H 03 con trâu, ông Vàng A N 02 con trâu và ông Vàng A L 02 con trâu; Bị cáo Lò Văn K và bị cáo Lò Văn X lừa đảo chiếm đoạt tài sản 02 con trâu từ các bị cáo trộm cắp được. Giá trị tài sản các bị cáo trộm cắp con trâu có tổng giá trị 10.000.000 đồng đến 41.000.000 đồng. Tổng giá trị các bị

cáo lừa đảo chiếm đoạt tài sản có giá trị từ 8.000.000 đồng đến 19.000.000 đồng. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự vì vậy các bị cáo phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về hậu quả do hành vi mình đã thực hiện.

[4] Tuy nhiên khi lượng hình Hội đồng xét xử cần phải xem xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Lò Văn X, Lò Văn Tr, Lò Văn K, Điều Văn H, Lò Văn Tha và Lò Văn Đ không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Lò Văn Đ, Lò Văn Tha và Điều Văn H luôn thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo là người dân tộc Thái, sinh sống ở Huyện có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, trình độ nhận thức về pháp luật còn hạn chế. Ngoài ra, bị cáo Lò Văn Tha có Bồ được tặng thưởng Huân Chương kháng chiến hạng nhì. Đây là điều kiện để các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.

Quá trình giải quyết vụ án bị cáo Lò Văn Tr đã bồi thường cho bị hại Vàng A H số tiền 2.000.000 đồng và bị cáo Lò Văn K đã bồi thường cho bị hại Vàng Giống G số tiền 2.500.000 đồng. Các bị cáo luôn thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; các bị cáo là người dân tộc Thái, sinh sống ở Huyện có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, trình độ nhận thức về pháp luật còn hạn chế. Đây là điều kiện để bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 BLHS.

Bị cáo Lò Văn X luôn thành khẩn khai báo, hiện nay bản thân bị cáo ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; Bị cáo học lớp 2/12 trình độ học vấn thấp nên sự hiểu biết pháp luật còn hạn chế, bị cáo là người dân tộc Thái, sinh sống ở Huyện có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Đây là điều kiện để bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 BLHS.

- Xét về nhân thân bị cáo: Các bị cáo X, K, Tr, H, Đ và Tha sinh sống và làm ăn tại bản Mường T, xã Mường T, huyện Mường T, tỉnh Lai Châu. Các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng. Sau khi xảy ra sự việc các bị cáo đã trả lại toàn bộ con trâu

cho những người bị hại, hiện nay số con trâu được trả lại đều khỏe không bị ốm đau, bị thương gì. Tại phiên tòa các bị cáo nhận lỗi và xin lỗi các bị hại bỏ qua những sai phạm của mình, hứa sẽ không vi phạm pháp luật nữa. Hiện nay gia đình các bị cáo đều có hoàn cảnh khó khăn, là lao động chính của gia đình. Trước khi phạm tội bị cáo luôn chấp hành tốt chủ trương của Đảng chính sách pháp luật của nhà nước, các bị cáo đã tự sửa chữa, cải tạo, phấn đấu để trở thành người có ích cho gia đình và xã hội, cho bị cáo được hưởng sự khoan của pháp luật do đó không nhất thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội. Do vậy, HĐXX áp dụng Điều 36 BLHS xử phạt các bị cáo cải tạo không giam giữ, giao các bị cáo cho UBND xã Mường T giám sát, quản lý. Xét thấy các bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, công việc không ổn định, thu nhập thấp nên HĐXX miễn việc khấu trừ thu nhập cá nhân cho các bị cáo.

[5] Hình phạt bổ sung: Tại khoản 5 Điều 173 BLHS các bị cáo Lò Văn X, Lò Văn Tr, Điều Văn H, Lò Văn Đ và Lò Văn Tha còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng, xét thấy hoàn cảnh kinh tế của các bị cáo khó khăn, không có tài sản, không có điều kiện thi hành, HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Tại khoản 5 Điều 174 BLHS các bị cáo Lò Văn X, Lò Văn K còn có thể bị phạt tiền từ mười triệu đồng đến một trăm triệu đồng, xét thấy hoàn cảnh kinh tế của các bị cáo khó khăn, không có tài sản, không có điều kiện thi hành, HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 BLHS. Chấp nhận sự tự nguyện bị cáo Lò Văn Tr bồi thường cho người bị hại ông Vàng A H, ở bản Tà T, xã Tà T, huyện Mường T, tỉnh Lai Châu số tiền là 2.000.000 đồng, ông H đã nhận đủ số tiền. Bị cáo Lò Văn K bồi thường cho người bị hại ông Vàng Giống G ở bản Tà T, xã Tà T, huyện Mường T, tỉnh Lai Châu là 2.500.000 đồng, ông G đã nhận đủ số tiền. Quá trình Điều tra những người bị hại đã nhận được con trâu của mình bị mất trộm: 03 con trâu của ông Vàng Giống G, 03 con trâu của Vàng A H, 02 con trâu của ông Vàng A N, 02 con trâu của ông Vàng A L. Tại phiên tòa những người bị hại ông Vàng Giống G, ông Vàng A H, ông Vàng A N, ông Vàng A L không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm.

[7] Về xử lý vật chứng: Đối với 03 con trâu thuộc sở hữu của ông Vàng Giống G, 03 con trâu thuộc sở hữu của Vàng A H, 02 con trâu thuộc sở hữu của ông Vàng A N, 02 con trâu thuộc sở hữu của ông Vàng A L; 01 con trâu thuộc sở hữu của ông Lò Văn Kh. Xét thấy không ảnh hưởng đến việc xử lý vụ án và thi

hành án, ngày 12/4/2021, cơ quan CSĐT - Công an huyện Mường T đã trả lại toàn bộ 11 con trâu này cho đúng chủ sở hữu. Việc xử lý vật chứng như vậy là phù hợp và đúng quy định của pháp luật. Do vậy, HĐXX chấp nhận về việc xử lý vật chứng của cơ quan điều tra.

[8] Án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 136 BLTTHS; khoản 1 Điều 21; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[9] Quyền kháng cáo: Các bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo Điều 331; Điều 333 BLTTHS.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố các bị cáo:

1. Về tội danh

Các bị cáo Lò Văn X, Lò Văn Tr, Điêu Văn H, Lò Văn Đ và Lò Văn Tha phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Các bị cáo Lò Văn X, Lò Văn K phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2. Về hình phạt

2.1. Áp dụng khoản 1 Điều 173; khoản 1 Điều 174; điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36; điểm a, khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo **Lò Văn X** 02 (Hai) năm cải tạo không giam giữ về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 01(Một) năm cải tạo không giam giữ về tội “Trộm cắp tài sản”. Tổng hợp hình phạt chung của hai tội là 03 (Ba) năm cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã Mường Tè, huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Bị cáo được miễn khấu trừ mức thu nhập cá nhân. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Mường T, huyện Mường T, tỉnh Lai Châu giám sát, quản lý, giáo dục.

2.2. Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo **Lò Văn K** 01 (Một) Năm 06 (Sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã Mường T, huyện Mường T, tỉnh Lai Châu nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Bị cáo được miễn khấu trừ về mức thu nhập cá nhân. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Mường T, huyện Mường T, tỉnh Lai Châu giám sát, quản lý, giáo dục.

2.3. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo **Lò Văn Tr 02** (Hai) Năm cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã Mường T, huyện Mường T, tỉnh Lai Châu nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Bị cáo được miễn khấu trừ về mức thu nhập cá nhân. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Mường T, huyện Mường T, tỉnh Lai Châu giám sát, quản lý, giáo dục.

2.4. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Xử phạt bị cáo **Điêu Văn H 03** (Ba) Năm cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã Mường T, huyện Mường T, tỉnh Lai Châu nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Bị cáo được miễn khấu trừ về mức thu nhập cá nhân. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Mường T, huyện Mường T, tỉnh Lai Châu giám sát, quản lý, giáo dục.

- Xử phạt bị cáo **Lò Văn Tha 02** (Hai) năm 06 (Sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã Mường T, huyện Mường T, tỉnh Lai Châu nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Bị cáo được miễn khấu trừ về mức thu nhập cá nhân. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Mường T, huyện Mường T, tỉnh Lai Châu giám sát, quản lý, giáo dục.

- Xử phạt bị cáo **Lò Văn Đ 02** (Hai) năm 06 (Sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã Mường T, huyện Mường T, tỉnh Lai Châu nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Bị cáo được miễn khấu trừ về mức thu nhập cá nhân. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Mường T, huyện Mường T, tỉnh Lai Châu giám sát, quản lý, giáo dục.

3. Về án phí hình sự sơ thẩm

Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Khoản 1 Điều 21; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Lò Văn X, Lò Văn K, Lò Văn Tr, Điêu Văn H, Lò Văn Đ và Lò Văn Tha phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo

Áp dụng Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Các bị cáo và những người bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án của Tòa án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. Người bị bại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo về những vấn đề liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của mình lên Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND tỉnh Lai Châu;
- CA huyện Mường T – THAHS;
- VKSND huyện Mường T;
- THADS huyện Mường T;
- UBND xã Mường T;
- Các Bị cáo;
- Bị hại;
- Người CQLNVLQ;
- Lưu hồ sơ.

T/M Hội đồng xét xử sơ thẩm

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Lò Thị Chiến